

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-01-2021

“V/v Ly hôn giữa chị N và anh L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân.

2. Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1996.

Địa chỉ: 148, ấp L, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 474, ấp 2, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N và anh L vắng mặt (chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2020, bản khai ngày 31/12/2020, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 11/01/2021, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L cưới nhau năm 2017 trên cơ sở tự nguyện. Chị và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/01/2020. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm. Đến năm 2019, chị và anh L xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Chị đã nhiều lần tạo điều kiện để cùng anh L chăm lo hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả, mâu thuẫn càng phát sinh nhiều hơn, chị và anh L đã không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay nên chị không còn tình cảm với anh L. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Trong thời gian chung sống, chị và anh L không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Do bận công việc phải nên chị yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Anh L là bị đơn trong vụ án, cư trú tại ấp 2, xã P, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Tại phiên tòa hôm nay, anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Long Mỹ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Tuy nhiên, theo chị N cho rằng chị và anh L bất đồng

quan điểm, tính tình không hợp nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn anh L.

Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị N, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị N và anh L đoàn tụ nhưng anh L vắng mặt, không có ý kiến.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh L đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N để giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Chị N khai chị và anh L không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu N.

Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu N khai chị và anh Nguyễn Văn L không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu N khai chị và anh Nguyễn Văn L không có tài sản chung, không có nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004026 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã L;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Thu Trang